**MẪU SỐ 2A**

**MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ DỰ THẦU**

**(đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**

**áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế không qua mạng theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BKHĐT*

*ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

**PHẦN I**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

**HỒ SƠ DỰ THẦU**

Tên gói thầu: [[GoiThau]]

Dự toán mua sắm: Các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”

Chủ đầu tư: [[ChuDauTu]]

Bên mời thầu: [[ChuDauTu]]

|  |  |
| --- | --- |
| **[[ChuDauTu\_h]]**  **TỔ CHUYÊN GIA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: …………. | *[[DiaDanh]], [[BCDG\_d\_c]]* |

# 

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU

Tên gói thầu: [[GoiThau]]

Thuộc nhiệm vụ KH&CN: [[DuAn]]

Kính gửi: [[ChuDauTu]]

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

a) Khái quát về dự án

- Người có thẩm quyền: [[ChuDauTu\_cv]] [[ChuDauTu]];

- Chủ đầu tư: [[ChuDauTu]];

- Bên mời thầu: [[ChuDauTu]];

- Tên và tóm tắt về dự án: Các gói thầu thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”.

b) Thông tin về gói thầu

- Tên gói thầu: [[GoiThau]];

- Tóm tắt về gói thầu: [[GT\_TomTat]];

- Nội dung của gói thầu được phê duyệt trong kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu: Không có;

- Số KHLCNT: [[E\_KHLCNT]], thời điểm đăng tải: [[E\_KHLCNT\_d]];

*-* Số E-TBMT: \_\_\_,thời điểm đăng tải: \_\_\_;

- Thời gian sửa đổi HSMT: Không có;

- Thời gian chuẩn bị HSDT: \_\_\_;

- Thời điểm đóng thầu, mở thầu, gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có);

*Các văn bản pháp lý liên quan được liệt kê tại phụ lục và đính kèm (bản chụp) báo cáo này.*

c) Thông tin mở thầu- Thời gian và địa điểm mở thầu;

### - Các nhà thầu nộp HSDT theo đúng quy định: \_\_\_\_\_ *[Ghi tên, địa chỉ các nhà thầu]*.

### - Các nhà thầu nộp HSDT sau thời điểm đóng thầu: Không có.

### - Các nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu: Không có.

### - Các nhà thầu có văn bản đề nghị sửa đổi HSDT: Không có.

### - Các vấn đề trong quá trình mở thầu cần xử lý tình huống: Không có.

### 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được [[ChuDauTu]] thành lập theo Quyết định số [[QD\_ToChuyenGia]] ngày [[QD\_ToChuyenGia\_d]] để thực hiện đánh giá E-HSDT gói thầu “[[GoiThau]]” thuộc nhiệm vụ KH&CN “[[DuAn]]”.

b) Thành phần tổ chuyên gia:

*Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia tại* ***Bảng số 1****.*

**Bảng số 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia** | **Phân công công việc của các thành viên** |
| 1 | [[ToCGia\_1]] | Tổ trưởng | Chịu trách nhiệm chung; Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm |
| 2 | [[ToCGia\_2]] | Thành viên | Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ E-HSDT |
| 3 | [[ToCGia\_3]] | Thư ký | Đánh giá về kỹ thuật |

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia làm việc theo nhóm; khi có một hoặc một số thành viên có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên còn lại thì bảo lưu ý kiến và ý kiến bảo lưu phải được ghi trong Mục IV báo cáo này. Quyết định cuối cùng sẽ dựa trên kết quả biểu quyết, ý kiến thống nhất theo đa số.

## II. KẾT QUẢ KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ HSDT

### 1. Kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp

*Tổ chuyên gia nêu kết quả kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và các bản chụp của HSDT do Bên mời thầu thực hiện (lập theo Mẫu số 1A).*

**2. Kết quả kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT**

a) Trên cơ sở kiểm tra các thành phần của HSDT (*lập theo Mẫu số 1B)*, đánh giá tính hợp lệ của từng HSDT (*lập theo Mẫu số 2),* kết quả đánh giá về tính hợp lệ của từng HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 2** dưới đây:

**Bảng số 2**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b)Thuyết minh về các trường hợp HSDT không hợp lệ *(kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDT) (nếu có).*

c) Các nội dung bổ sung, làm rõ HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có)*. Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT) (nếu có).*

### 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm[[1]](#footnote-1)

a) Trên cơ sở đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của từng nhà thầu (*lập theo Mẫu số 3),* kết quả đánh giá nội dung này được tổng hợp theo **Bảng số 3** dưới đây:

**Bảng số 3**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết luận**  **(Đạt, không đạt)** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong HSMT.

*Phần này thuyết minh chi tiết về việc không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (kể cả sau khi nhà thầu bổ sung, làm rõ HSDT, thay thế nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu (nếu có)).*

c) Các nội dung làm rõ HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có).

*Phần này nêu rõ các yêu cầu bổ sung, làm rõ HSDT của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (kể cả trường hợp nhà thầu tự bổ sung, làm rõ HSDT (nếu có)).*

### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

a) Trên cơ sở đánh giá về kỹ thuật của từng HSDT (*lập theo Mẫu số 4A hoặc Mẫu số 4B),* kết quả đánh giá về kỹ thuậtđược tổng hợp theo **Bảng số 4** dưới đây:

*Liệt kê tên nhà thầu, số điểm tương ứng (theo thứ tự từ cao đến thấp trong trường hợp đánh giá theo phương pháp chấm điểm) hoặc đạt, không đạt trong trường hợp đánh giá theo tiêu chí đạt, không đạt.*

**Bảng số 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả đánh giá** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSMT (kể cả khi đã làm rõ HSDT (nếu có)). *Thuyết minh chi tiết về việc nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của HSMT.*

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá. *Phần này nêu rõ các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá, bao gồm cả trường hợp trong tổ chuyên gia có một hoặc một số thành viên có đánh giá khác biệt so với đa số các thành viên còn lại và biện pháp xử lý đối với trường hợp đó (nếu có).*

### 5. Kết quả đánh giá về tài chính

Trên cơ sở đánh giá về tài chính của từng HSDT (*lập theo Mẫu số 10*), kết quả đánh giá về tài chínhđược tổng hợp theo **Bảng số 5** dưới đây:

**Bảng số 5**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Nhà thầu A** | **Nhà thầu B** | **…** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) |  |  |  |
| 2 | Giá trị sửa lỗi (nếu có) |  |  |  |
| 3 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ % sai lệch thiếu (nếu có) |  |  |  |
| 5 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
| 6 | Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |  |  |
| 7 | Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có) |  |  |  |
| 8 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất[[2]](#footnote-2)** |  |  |  |
| 9 | ΔƯĐ (nếu có) |  |  |  |
| 10 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá[[3]](#footnote-3)** |  |  |  |
| 11 | Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng |  |  |  |
| 12 | ΔƯĐ (nếu có) |  |  |  |
| 13 | Giá đánh giá |  |  |  |

*Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có).*

### 6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá HSDT

Trên cơ sở đánh giá HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 6** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 6**

| **Stt** | **Nội dung** | **Nhà thầu** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **...** |
| 1 | Kết quả đánh giá tính hợp lệ của HSDT |  |  |  |
| 2 | Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm |  |  |  |
| 3 | Kết quả đánh giá về kỹ thuật |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất[[4]](#footnote-4)** |  |  |  |
| 4 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |  |  |
| 5 | Xếp hạng các HSDT\* |  |  |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá[[5]](#footnote-5)** |  |  |  |
| 6 | Giá đánh giá |  |  |  |
| 7 | Xếp hạng các HSDT\* |  |  |  |

*Ghi chú:*

*-* *Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định hoặc đơn giá điều chỉnh, chi phí dự phòng không dùng để so sánh, xếp hạng nhà thầu.*

*\* Trường hợp HSDT của các nhà thầu được đánh giá ngang nhau thì thực hiện xếp hạng theo quy định tại khoản 18 Điều 131 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP :*

*- Trường hợp chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, không cần xác định ưu đãi, giá đánh giá, xếp hạng nhà thầu.*

### 7. Đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT[[6]](#footnote-6)

*Trong trường hợp HSMT cho phép chào phương án kỹ thuật thay thế để tìm kiếm những đề xuất sáng tạo của nhà thầu mang lại hiệu quả cao hơn cho gói thầu thì cần đánh giá phương án đề xuất thay thế của nhà thầu xếp hạng thứ nhất và đề xuất các nội dung cụ thể để Bên mời thầu và nhà thầu thương thảo trong quá trình thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng.*

## III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

*Trên cơ sở đánh giá HSDT, tổ chuyên gia nêu rõ các nội dung sau đây:*

1. *Danh sách nhà thầu được xem xét, xếp hạng và thứ tự xếp hạng nhà thầu*

*Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, tên các nhà thầu được đề nghị trúng thầu là danh sách các nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) tính trên mỗi đơn vị của hạng mục nhà thầu dự thầu theo thứ tự từ thấp đến cao cho đến khi tổng số lượng hàng hóa mà các nhà thầu trúng thầu chào thầu bằng số lượng hàng hóa nêu trong HSMT và ghi giá đề nghị trúng thầu tương ứng với từng nhà thầu.*

1. *Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp chưa đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, phải nêu lý do và đề xuất biện pháp xử lý;*
2. *Những nội dung của HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý.**[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

**IV. Ý KIẾN BẢO LƯU**

*Trường hợp có ý kiến bảo lưu thì cần nêu rõ các thông tin: nội dung đánh giá, ý kiến bảo lưu, lý do và đề nghị thành viên có ý kiến bảo lưu ký tên theo bảng dưới đây:*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung**  **đánh giá** | **Ý kiến**  **bảo lưu** | **Lý do** | **Ký tên** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

*[Trường hợp không có nội dung này thì ghi KHÔNG CÓ]*

## Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*[Tất cả các thành viên của tổ chuyên gia ghi rõ họ tên và ký, kể cả thành viên có ý kiến bảo lưu (nếu có)].*

**Mẫu số 1A**

**KIỂM TRA SỰ THỐNG NHẤT GIỮA BẢN GỐC VÀ BẢN CHỤP[[7]](#footnote-7)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên nhà thầu** | **Kết quả kiểm tra** | | | **Ghi chú** |
| **Thống nhất** | **Không thống nhất** | |
| **Bản gốc** | **Bản chụp** |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

*Trường hợp thống nhất thì đánh dấu X vào ô "Thống nhất", trường hợp không thống nhất thì nêu rõ nội dung không thống nhất giữa bản gốc và bản chụp.*

**Người kiểm tra**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 1B**

**KIỂM TRA TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung kiểm tra** | **Kết quả (1)** | | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không có** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**Người kiểm tra**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Đối với từng nội dung kiểm tra, nếu có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Có”, nếu không có nội dung kiểm tra thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không có”.*

**Mẫu số 2**

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA HSDT**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | | **Nhận xét(3)** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN**(4) | |  | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Theo tiêu chuẩn đánh giá tính hợp lệ quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu đánh giá là “Đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Đáp ứng", nếu đánh giá là “không đáp ứng” thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng của cột “Không đáp ứng”.*

*(3) Ghi rõ các nội dung đáp ứng hoặc không đáp ứng của HSDT so với quy định của HSMT.*

*(4) HSDT được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là “đáp ứng”, HSDT được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “không đáp ứng”.*

## 

**Mẫu số 3**

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

HSDT của nhà thầu: *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm(1)** | | | **Các yêu cầu cần tuân thủ(2)** | | | | **Kết quả đánh giá(3)** | **Nhận xét của chuyên gia (4)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Mô tả** | **Yêu cầu** | **Nhà thầu độc lập** | **Nhà thầu liên danh** | | |
| **Tổng các thành viên liên danh** | **Từng thành viên liên danh** | **Tối thiểu một thành viên liên danh** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Kết luận(5)** | | | | | | |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1), (2) Theo tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm quy định trong HSMT.*

*(3) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là “đạt” thì ghi "Đạt", nếu được đánh giá là "không đạt" thì ghi "Không đạt" và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia.*

*(4) Kê khai các nội dung trong HSDT của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT và lý do "Không đạt".*

*(5) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi tất cả nội dung được đánh giá là "đạt", nhà thầu được kết luận là KHÔNG ĐẠT khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là "không đạt".*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có).*

**Mẫu số 4A**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng phương pháp chấm điểm)**

HSDT của nhà thầu\_\_\_\_\_\_

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Mức điểm quy định trong HSMT(2)** | | **ĐÁNH GIÁ(3)** | | **Ghi chú** |
| **Điểm tối đa** | **Điểm tối thiểu** | **Điểm** | **Nhận xét** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN (4)** | | | |  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1), (2) Theo quy định trong HSMT.*

*(3) Đối với từng nội dung đánh giá, phải ghi rõ số điểm tại cột Điểm và lý do chấm điểm tại cột Nhận xét.*

*(4) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định của HSMT.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu và văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có)*.

**Mẫu số 4B**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

**(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung đánh giá(1)** | **Kết quả đánh giá (2)** | | | **Nhận xét** | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Chấp nhận được** | **Không đạt** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT LUẬN (3)** | |  | | |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Theo quy định trong HSMT.*

*(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu “X” vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét.*

*(3) HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong HSMT.*

*Đính kèm theo văn bản yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu, văn bản bổ sung, làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có)*.

**Mẫu số 5**

**SỬa lỖi**(1)

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung cần sửa lỗi** | **Giá trị lỗi số học** | **Giá trị lỗi khác** | **Ghi chú** |
| 1. |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| n. |  |  |  |  |
| Tổng cộng | | (i) | (ii) |  |
| **KẾt luẬn** | |  | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú*:

*(1) Việc sửa lỗi thực hiện theo quy định trong HSMT.*

*Đính kèm theo bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả sửa lỗi HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc sửa lỗi của Bên mời thầu.*

**Mẫu số 6**

**HiỆu chỈnh sai lỆch(1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung cần hiệu chỉnh**  **sai lệch** | **Giá trị sai lệch** | | **Ghi chú** |
| **Sai lệch thiếu** | **Sai lệch thừa** |
| 1. |  | i1 | ii1 |  |
| 2. |  | i2 | ii2 |  |
| ..... |  | … | … |  |
| n. |  | in | iin |  |
| Tổng cộng | | i | ii |  |
| Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) | | (iii) | |  |
| Tỷ lệ sai lệch thiếu (%) | | = (|i1|+|i2|+…+|in|)\*100%/ (iii) | |  |
| **KẾt luẬn(2)** | |  | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Việc hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định trong HSMT.*

*(2) Nhà thầu được kết luận là ĐẠT khi có sai lệch thiếu với tổng giá trị tuyệt đối không quá 10% giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)).*

*Đính kèm bản chụp văn bản thông báo của Bên mời thầu cho nhà thầu về kết quả hiệu chỉnh sai lệch HSDT; bản chụp văn bản trả lời của nhà thầu về việc hiệu chỉnh sai lệch của Bên mời thầu.*

**Mẫu số 7**

**ChuyỂn đỔi giá DỰ THẦU SAU SỬA LỖI,**

**HIỆU CHỈNH SAI LỆCH, TRỪ GIÁ TRỊ GIẢM GIÁ (NẾU CÓ) CHUYỂN ĐỔI VỀ mỘt đỒng tiỀn chung (1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có)** | **Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT** | **Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Trường hợp trong HSMT cho phép nhà thầu chào nhiều đồng tiền khác nhau thì trong báo cáo cần chuyển đổi giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ giá trị giảm giá) sang một đồng tiền chung theo tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT.*

*Trường hợp không cần chuyển đổi giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) về một đồng tiền chung thì bỏ Mẫu này.*

**Mẫu số 8**

**Đưa các chi phí vỀ mỘt mẶt bẰng đỂ**

**xác đỊnh giá đánh giá(1)**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

| **Stt** | **Nội dung cần đưa về một mặt bằng** | **Cách thức đưa về một mặt bằng** | **Chi phí** |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **TỔNG CỘNG** | | |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Phần này cần liệt kê các yếu tố đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá theo quy định trong HSMT và các chi phí tương ứng được quy đổi về cùng một mặt bằng.*

**Mẫu số 9**

**XÁC ĐỊNH DANH MỤC HÀNG HÓA THUỘC VÀ KHÔNG THUỘC ĐỐI TƯỢNG**

**ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI CỦA GÓI THẦU** **VÀ ΔƯĐ**

**(Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá đánh giá)**

*Trường hợp hàng hóa do nhà thầu chào thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì tổ chuyên gia tiến hành kiểm tra, tính toán lại về tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước để xác định mức ưu đãi nhà thầu được hưởng. Danh mục hàng hóa thuộc, không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong tổng số các loại hàng hóa theo yêu cầu của HSMT để làm cơ sở xác định ΔƯĐ như sau:*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Stt*** | ***Nhà thầu(2)***  ***Hàng hóa(1)*** | ***Nhà thầu 1*** | | | *…* | | ***Nhà thầu N*** | | | |
| **Loại hàng hóa(3)** | **Giá của hàng hóa sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có)(4)** | **ΔƯĐ(5)**  (đối với từng hàng hóa) | *…* | **Loại hàng hóa(3)** | | **Giá của hàng hóa sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có)(4)** | **ΔƯĐ(5)**  (đối với từng hàng hóa) |
| *1* | *Hàng hóa 1* |  |  | **Δ1** |  |  | |  | **Δ1** |
| *2* | *Hàng hóa 2* |  |  | **Δ2** |  |  | |  | **Δ2** |
| *..* | *…* |  |  | *…* |  |  | |  | *…* |
|  | **ΔƯĐ** |  | | ***=* Δ1+ Δ2+...** |  |  | | | ***=* Δ1+ Δ2+...** |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Ghi tên các hàng hóa được ưu đãi;*

*(2) Ghi tên các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật;*

*(3) Ghi loại hàng hóa theo quy tắc như sau:*

*- Ghi số “0” với hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi;*

*- Ghi số “1” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%;*

*- Ghi số “2” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50% mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

- *Ghi số “3” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên;*

*- Ghi số “4” với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước từ 50% trở lên mà cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực;*

*- Ghi số “5” với Sản phẩm đổi mới sáng tạo là hàng hóa có xuất xứ Việt Nam.*

*(4): Ghi giá dự thầu của hàng hóa trong HSDT sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có)*

*(5):* **ΔƯĐ***được tính tương ứng theo quy định tại HSMT;*

Không cần xác định ưu đãi nếu chỉ có 1 nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc tất cả các nhà thầu cùng chào hàng hóa được hưởng ưu đãi như nhau hoặc cùng chào hàng hóa không được hưởng ưu đãi.

**Mẫu số 10**

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

HSDT của nhà thầu *\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung** | **Giá trị** |
| 1 | Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá (nếu có)) |  |
| 2 | Giá trị sửa lỗi |  |
| 3 | Giá trị hiệu chỉnh sai lệch |  |
| 4 | Tỷ lệ sai lệch thiếu |  |
| 5 | Giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 6 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có) |  |
| 7 | Tỷ giá quy đổi quy định trong HSMT (nếu có) |  |
| 8 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) |  |
|  | **Phương pháp giá thấp nhất(1)** |  |
| 9 | ΔƯĐ (nếu có)(2) |  |
| 10 | Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ giá trị giảm giá (nếu có), chuyển đổi về một đồng tiền chung (nếu có) và tính ưu đãi (nếu có) |  |
|  | **Phương pháp giá đánh giá (3)** |  |
| 11 | Giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng |  |
| 12 | ΔƯĐ (nếu có)(4) |  |
| 13 | Giá đánh giá |  |

**Người đánh giá**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

*Ghi chú:*

*(1) Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.*

*(3) Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.*

*(2), (4) ΔƯĐ: tính theo quy định trong HSMT.*

*.***PHẦN II:** **DANH MỤC TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

| **Stt** | **Tài liệu** | **Số, ký hiệu và ngày tháng (nếu có)** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu** |  |
|  | Kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu (nếu có) |  |
|  | Kế hoạch lựa chọn nhà thầu |  |
|  | Quyết định phê duyệt HSMT, kèm theo HSMT được duyệt |  |
|  | Văn bản thành lập tổ chuyên gia |  |
|  | Quy chế làm việc của tổ chuyên gia (nếu có) |  |
|  | Chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu của các thành viên trong tổ chuyên gia |  |
|  | Bản cam kết của các thành viên Tổ chuyên gia |  |
| **II** | **Tổ chức lựa chọn nhà thầu** |  |
|  | Thông báo mời thầu hoặc thư mời thầu |  |
|  | Văn bản yêu cầu làm rõ HSMT của nhà thầu (nếu có) |  |
|  | Văn bản làm rõ HSMT (nếu có) |  |
|  | Văn bản sửa đổi HSMT (nếu có) |  |
|  | Biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) |  |
|  | Văn bản cho phép gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có), kèm theo thông báo gia hạn thời điểm đóng thầu (nếu có) |  |
|  | Tài liệu xác nhận nhà thầu nộp HSDT |  |
|  | Biên bản đóng thầu (nếu có) |  |
|  | Biên bản mở thầu |  |
| **III** | **Đánh giá HSDT** |  |
|  | Bản kiểm tra sự thống nhất giữa bản gốc và bản chụp HSDT của các nhà thầu |  |
|  | Tài liệu yêu cầu làm rõ HSDT của Bên mời thầu và tài liệu làm rõ HSDT của nhà thầu (nếu có) |  |
|  | Văn bản phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu (nếu có) |  |
|  | Các tài liệu khác có liên quan (nếu có) |  |

1. *Trường hợp HSMT quy định cho phép nhà thầu sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì tổ chuyên gia tiến hành đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có) theo các tiêu chuẩn quy định trong HSMT.*  [↑](#footnote-ref-1)
2. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất thì bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-5)
6. *Trường hợp HSMT không cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế thì xóa bỏ nội dung này.* [↑](#footnote-ref-6)
7. Bên mời thầu thực hiện nội dung này. [↑](#footnote-ref-7)